TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HSST
Ngày 30/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Việt Dũng

2. Ông Nguyễn Thanh Bắc

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Thị Thanh Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/HSST ngày 09/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Triệu Thành Đ; tên gọi khác: Triệu Văn Đ1; sinh năm 1990; ĐKHKTT: Xóm Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Triệu Văn C, sinh năm 1955; Con bà: Trần Thị M, sinh năm 1957; Có vợ, con: Chưa có; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình.

- Tiền án: Tại Bản án số 127/2020/HS - ST ngày 24/06/2020 của Toà án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt Triệu Thành Đ 17 tháng tù về tội " Tàng trữ trái phép chất ma tuý". Chấp hành xong hình phạt ngày 01/12/2021. Bản án chưa được xoá án tích

- Tiền sự: Không

- Nhân thân: Không

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh T (bị bắt tạm giam từ ngày 22/8/2023 đến nay). *(Có mặt)*

**** Những người tham gia tố tụng khác:***

- *Bị hại:* Cháu Phạm Quý T, sinh năm 2014

Cháu Phạm Minh N, sinh năm 2018

+ Người đại diện hợp pháp cho bị hại cháu Phạm Quý T và cháu Phạm Minh N: Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1989 (bố cháu T và cháu N)

(Có mặt)

Đều địa chỉ: Xóm Đ, xã L, huyện Đ, Thái Nguyên

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Văn Đ2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Đặng Thị V, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên *(Vắng mặt có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ ngày 20/8/2023, Triệu Thành Đ một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 20F1-67579 (là xe mô tô của Đ) đi vào xã L, huyện Đ đến nhà người quen vay tiền để chi tiêu cá nhân. Khi Đ đi qua cổng UBND xã L thuộc xóm Đ, xã L thì nhìn thấy phía bên trái đường trước cửa nhà bà Phùng Thị T2, sinh năm 1963 có 02 cháu nhỏ đang chơi cùng với nhau trước cửa nhà bà T2 là cháu Phạm Quý T, sinh ngày 25/8/2014 và cháu Phạm Minh N, sinh ngày 12/10/2018 (là hai anh em ruột). Đ quan sát thấy trên cổ của hai cháu đều đeo vòng bạc nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt vòng bạc của hai cháu đem bán lấy tiền chi tiêu và mua ma túy sử dụng. Đ điều khiển xe đi qua chỗ hai cháu đang chơi khoảng 50m và quan sát không có người lớn ở gần hai cháu nhỏ nên Đ quay xe lại và dựng xe mô tô ở chỗ hai cháu đang chơi. Đ tiến đến vị trí của cháu T sau đó dùng hai tay nắm và ấn vai cháu T theo chiều từ trên xuống, rồi quay sang tiếp tục ấn vai cháu N xuống, sau đó Đ dùng tay trái nắm lấy vai cháu T còn tay phải cầm dây chuyền trên cổ rồi gỡ khóa dây chuyền tháo ra khỏi cổ cháu T rồi bỏ vào trong túi quần bên phải (cháu T không biết Đ nên lo sợ không dám phản kháng). Sau khi lấy được dây chuyền của cháu T thì Đ bảo cháu T dùng xe đạp chở cháu N đi quanh sân còn Đ đi phía sau cháu N dùng hai tay nắm vào dây chuyền đang đeo trên cổ cháu N giựt đứt dây chuyền của cháu

N (cháu N sợ nên cũng không dám phản kháng). Sau khi lấy được 02 sợi dây chuyền, Đ đi xe mô tô xuống cửa hàng vàng bạc Thủy Vân của chị Đặng Thị V, sinh năm 1982, thuộc thị trấn H, huyện Đ bán được 200.000đ. Đ đã mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân hết (khi mua chị V không biết đó là tài sản do Đ phạm tội mà có).

Về phía cháu T và cháu N do còn nhỏ và bị Đ nắm, ấn vai xuống lên sợ hãi, sau khi Đ lấy dây chuyền của hai cháu thì mới thông báo cho bố mẹ là anh Phạm Văn T1 và chị Dương Thị T3 biết. Sau đó anh T1 đã đến Công an xã L trình báo sự việc.

Xét thấy vụ việc có giấu hiệu của tội phạm, Công an xã L đã lập biên bản sự việc và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Đ để giải quyết theo thẩm quyền.

Tiến hành điều tra, truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Đ đã làm rõ Triệu Thành Đ là người thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên và thu giữ 02 sợi dây chuyền là vật chứng của vụ án.

Tại Kết luận giám định số 6813 ngày 25/9/2023 của V2 Bộ C1 kết luận:

+ 01 dây chuyền bằng kim loại màu trắng, được chế tác dạng các mắt xích nối với nhau, đã bị đứt ở đầu móc khóa, một phần đầu móc khóa có buộc sợi chỉ màu xám gửi giám định có tổng khối lượng 6,48 gam (tính cả sợi chỉ). Phần kim loại có khối lượng 6,47 gam là hợp kim của bạc, kẽm, đồng. Hàm lượng trung bình Bạc 88,89%, kẽm 6,16 %, đồng 4,95%.

+ 01 dây chuyền bằng kim loại màu trắng, được chế tác dạng các mắt xích nối với nhau gửi giám định có tổng khối lượng 11,11gam là hợp kim của bạc, kẽm, đồng, hàm lượng trung bình bạc 89,77%, kẽm 5,67%, đồng 4,56%.

Tại kết luận về định giá tài sản số 68 ngày 13/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Giá trị 02 sợi dây chuyền bằng bạc có tổng khối lượng là 17,6 gram, tại thời điểm tháng 8/2023 có giá 551.912 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Triệu Thành Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của Đ phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản.

Tại bản cáo trạng số 09/CT- VKSNDĐT ngày 08/01/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định truy tố Triệu Thành Đ về tội "*Cướp tài sản*" theo điểm e khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự;

Tại phiên toà bị cáo Đ khai nhận toàn bộ hành vi đúng như lời khai tại Cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ giữ nguyên bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Triệu Thành Đ về tội "*Cướp tài sản*" theo điểm e khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Triệu Thành Đ từ 9 (C) năm 6 (sáu) tháng đến 10 (M1) năm tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Quan điểm của người bào chữa cho bị hại: Thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận lại được tài sản bị cướp, đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhưng bị cáo đã có tiền án chưa được xoá án tích. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử cần áp dụng bị cáo hình phạt tương ứng cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Đại diện hợp pháp của bị hại (anh Phạm Văn T1) đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức phạt nhẹ nhất để bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm.

* *Về vật chứng vụ án:* Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Truy thu của Triệu Thành Đ số tiền 200.000đồng sung quỹ nhà nước, là số tiền bị cáo đã bán số tài sản cướp được và đã tiêu xài cá nhân hết.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu HondaAirBlale màu xám đen, BKS 20F1- 67379 mang tên Triệu Thành Đ.

- Tích thu tiêu huỷ gồm:

+ 01 đôi dép nhựa, dạng tổ ong màu đen; 01 chiếc áo mưa nilong màu đen; 01 chiếc áo phông cộc tay, có cổ, màu tím than, không có nhãn hiệu; 01 chiếc quần dài bằng vải màu nâu sọc trắng ở hai bên đùi

* *Về phần dân sự:* Bị hại cháu Phạm Quý T, cháu Phạm Minh N (Người đại diện hợp pháp cho bị hại: anh Phạm Văn T1) và chị Đinh Thị V1 không yêu cầu đề nghị gì.

* *Về án phí:* Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo Đ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1].Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2].Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu được và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 10 giờ 38 phút ngày 20/8/2023 tại trước cửa nhà bà Phùng Thị T2, trú tại xóm Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Triệu Thành Đ đã thực hiện hành vi dùng vũ lực dùng tay ấn vào vai theo chiều từ trên xuống đối với cháu Phạm Quý T, sinh ngày 25/8/ 2014 để chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền bằng bạc đang đeo ở cổ của cháu T và dùng tay giựt lấy 01 sợi dây chuyền bạc đang đeo ở cổ của cháu Phạm Minh N, 12/10/2018. Tổng giá trị của 02 sợi dây chuyền là 551.912 đồng. Hiện tài sản đã được thu hồi và trả lại cho đại diện của bị hại (thời điểm bị chiếm đoạt tài sản cháu T và cháu N chưa đủ 16 tuổi).

Hành vi nêu trên của Triệu Thành Đ đã phạm vào tội: "*Cướp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

[3]. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ.

Nội dung điều luật quy định như sau:

"*1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

.....

e) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi...."

[4] . Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng:

- Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng rất xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật. Bị cáo Đ có tiền án và lại là thanh niên ham chơi, đua đòi, lười lao động, nghiện ma tuý do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên đã đi vào con đường phạm tội.

- Đối chiếu các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi của mình, đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Tái phạm*" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

[5]. Về hình phạt: Đối với bị cáo Đ, xét về tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Để đảm bảo tính nghiêm minh của luật pháp cần áp dụng mức hình phạt tù cách ly bị cáo Triệu Thành Đ ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội. Mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp và cần được chấp nhận.

Quá trình điều tra chị Đặng Thị V khi mua tài sản thì không biết các tài sản trên do Đ phạm tội mà có do vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với chị V.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Lẽ ra cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đ nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Truy thu của Triệu Thành Đ số tiền 200.000đồng sung quỹ nhà nước, là số tiền bị cáo đã bán số tài sản cướp được và đã tiêu xài cá nhân hết.

+ Đối với vật chứng là 01 xe mô tô nhãn hiệu HondaAirBlale màu xám đen, BKS 20F1- 67379 mang tên Triệu Thành Đ đây là phương tiện phạm tội, nên cần tích thu sung quỹ nhà nước.

+ Đối với vật chứng là: 01 đôi dép nhựa, dạng tổ ong màu đen; 01 chiếc áo mưa nilong màu đen; 01 chiếc áo phông cộc tay, có cổ, màu tím than, không có

nhãn hiệu; 01 chiếc quần dài bằng vải màu nâu sọc trắng ở hai bên đùi không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

[8] Về phần dân sự: Bị hại cháu Phạm Quý T, cháu Phạm Minh N (Người đại diện hợp pháp cho bị hại: anh Phạm Văn T1) và chị Đinh Thị V1 không yêu cầu gì đối với bị cáo Đ.

[9]. Về án phí: Bị cáo Đ chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Triệu Thành Đ phạm tội "*Cướp tài sản"*

1. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; *Xử phạt*: Triệu Thành Đạt: 9(chín) năm 6 (sáu) tháng tù về tội " *Cướp tài sản"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 22/8/2023.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì, nên không xem xét.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Truy thu của Triệu Thành Đ số tiền 200.000đồng sung quỹ nhà nước, là số tiền bị cáo đã bán số tài sản cướp được và đã tiêu xài cá nhân hết.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu HondaAirBlale màu xám đen, BKS 20F1- 67379 mang tên Triệu Thành Đ.

- Tịch thu tiêu huỷ gồm: 01 đôi dép nhựa, dạng tổ ong màu đen; 01 chiếc áo mưa nilong màu đen; 01 chiếc áo phông cộc tay, có cổ, màu tím than, không có nhãn hiệu; 01 chiếc quần dài bằng vải màu nâu sọc trắng ở hai bên đùi

(Hiện số vật chứng trên được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 08 ngày 09/01/2024 giữa Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ)

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Đ phải chịu

200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Công an huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- Sở tư pháp tỉnh TN;
- UBND xã Bản Ngoại
- Bị cáo, bị hại, Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Quyên